



CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY
PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdongvn.com

Số/No.: 24.04.10 /TN – 24

Trang/Page: 1 / 2

1. Tên mẫu thử: Đèn LED Panel đổi màu PT05 135/12W
Name of sample
2. Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG
Customer Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
3. Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông
Manufacturer
4. Số lượng mẫu: 01 cái
Quantity of samples
5. Ký hiệu: PT05 135/12W
Model
6. Mã số mẫu: 24.04.10.24
Code of sample
7. Ngày nhận mẫu: 10/ 04/ 2024
Date of reception
8. Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
9. Kết quả: Xem trang 02/ 02
Result

Thử nghiệm viên/Tester
(Họ tên và chữ ký/name and signature)

Nguyễn Minh Thư

Hanoi, Date of 18/ 04/ 2024
KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.
(Họ tên và chữ ký/name and signature)



Kim Tuấn Anh

- 1- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in by customer
- 2- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- 3- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Test Results

TT/ No	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Yêu cầu Requirement	Kết quả Result		
1	Ghi nhãn		TCVN 7722-1:2017/ IEC 60598-1:2014	Rõ ràng, đủ độ bền	Đạt		
2	Thử nóng ẩm trong 48 giờ ở nhiệt độ $(20 \pm 30) ^\circ\text{C}$, độ ẩm tương đối $(91 \pm 95) \% \text{RH}$.		TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014				
2.1	Điện trở cách điện	M Ω		≥ 4	> 200		
2.2	Thử nghiệm độ bền điện áp 1 440 V/1 phút, tần số 50 Hz			Không bị phóng điện bề mặt, đánh thủng	Đạt		
3	Thông số điện, quang khi cấp điện áp nguồn 220V/50Hz				6500K	5000K	4000K
3.1	Công suất	W		$\leq 12 + 10\%$	11,3	10,7	11,4
3.2	Dòng điện	mA		--	93,4	90,5	94,1
3.3	Hệ số công suất			$\geq 0,5 - 0,05$	0,548	0,537	0,549
3.4	Quang thông	lm					
	• 6500K			$\geq 800 - 10\%$	1 108		
	• 5000K			$\geq 850 - 10\%$		1 277	
	• 4000K			$\geq 750 - 10\%$			1 254
3.5	Hiệu suất phát sáng	lm/W					
	• 6500K			$\geq 66 - 20\%$	98,5		
	• 5000K			$\geq 71 - 20\%$		119,4	
	• 4000K			$\geq 62 - 20\%$			110,2
3.6	Nhiệt độ màu tương quan (CCT)	K		--	6 161	4 745	3 755
3.7	Chỉ số thể hiện màu (CRI)			$\geq 80 - 3$	85,4	83,9	80,6